

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÚI THÀNH**  
*(Ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-UBND*  
*ngày 19/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**I. Bảng giá chuẩn đất nông nghiệp:**

**1- Giá đất trồng cây hàng năm:**

(ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Đồng bằng	Miền núi
1	30.000	15.000
2	25.000	13.000
3	20.000	10.000
4	-	8.000
5	-	6.000

**2- Giá đất trồng cây lâu năm:**

(ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Đồng bằng	Miền núi
1	32.000	14.000
2	27.000	12.000
3	21.000	10.000
4	-	8.000
5	-	6.000

**3- Giá đất rừng sản xuất:**

(ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Đồng bằng	Miền núi
1	18.000	12.000
2	16.000	10.000
3	12.000	8.000
4	-	6.000
5	-	5.000

**4- Giá đất nuôi trồng thủy sản:**

(ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Đồng bằng	Miền núi
1	25.000	12.000
2	22.000	10.000
3	20.000	8.000

**5- Giá đất làm muối:** (ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>)

**Vị trí**  
**1**

**Số tiền**  
**20.000**

## II- Bảng giá đất ở:

### 1- Giá đất ở đô thị:

#### 1.1-Bảng giá chuẩn:

Loại đường	Vị trí 1	Vị trí 2	(ĐVT:đồng/m <sup>2</sup> )	
			Vị trí 3	Vị trí 4
<b>Đường loại 1</b>	2.200.000	1.300.000	650.000	350.000
<b>Đường loại 2</b>	1.700.000	900.000	450.000	250.000
<b>Đường loại 3</b>	1.100.000	700.000	350.000	200.000
<b>Đường loại 4</b>	650.000	300.000	200.000	70.000
<b>Đường loại 5</b>	400.000	200.000	90.000	40.000

#### 1.2-Bảng giá chi tiết :

TT	Tên đường	Loại đường	Vị trí	(ĐVT:đồng/m <sup>2</sup> )	
				Hệ số	Đơn giá năm 2009
<b>1</b>	<b>- Đường Phạm Văn Đồng</b>				
	+ Giáp Tam Hiệp - đến đường Hải Thượng Lãn Ông, bệnh viện đa khoa Núi Thành	2	1	0,97	<b>1.649.000</b>
	+ Từ trong đường Hải Thượng Lãn Ông- Nhà Ông Nguyễn Tấn Hân, nhà ông P.Duyên	1	1	0,95	<b>2.090.000</b>
	+ Từ nhà ông Phạm Đề, nhà ông Nguyễn Trọng Xá - cầu An Tân	2	1	0,98	<b>1.666.000</b>
	+ Cầu An Tân-giáp Tam Nghĩa	1	1	0,95	<b>2.090.000</b>
<b>2</b>	<b>- Đường Nguyễn Văn Linh</b>				
	+ Nhà ông Trường đến nhà ông Hận, ông Anh	3	1	0,95	<b>1.045.000</b>
	+ Nhà ông Vương, ông Xứng đến ngã 3 phân luồng cầu An Tân	3	1	0,85	<b>935.000</b>
<b>3</b>	<b>- Đường Hồ Xuân Hương (Qlô 1A - ngã 3 nhà ông Hận)</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0,85</b>	<b>935.000</b>
4	- Đường Nguyễn Chí Thanh (Qlô 1A - huyện đội)	3	1	0,85	<b>935.000</b>
5	- Đường Chu Văn An (Qlô 1A - UBND huyện)	3	1	0,85	<b>935.000</b>
6	- Đường Hoàng Hoa Thám (đất ven đường 618 huyện, từ Qlô 1A-Tam Nghĩa)	3	1	0,76	<b>836.000</b>
7	- Đường Quang Trung (Ql 1A-cầu Tam Giang)	3	1	0,85	<b>935.000</b>
8	- Đường Lê Hồng Phong ( Đường khối 4-5, từ ĐT 618 đến ĐT 620)	4	1	0,88	<b>572.000</b>
<b>9</b>	<b>- Đường Lý Thường Kiệt</b>				
	+ Qlô 1A - giáp đường sắt	3	1	0,95	<b>1.045.000</b>
	+Từ đường sắt- nhà bà 4 Ứng	3	2	0,90	<b>630.000</b>

	+ Trên nhà bà 4 Ứng - cầu Bà Giày	3	3	0,90	<b>315.000</b>
10	- Đường <b>Trần Hưng Đạo</b> (đoạn quan thị trấn Núi Thành)	3	1	0,85	<b>935.000</b>
11	- Đường <b>Lê Đình Dương</b> (Đường 618 cũ, Qlô 1A-giáp Tam Nghĩa)	5	1	0,78	<b>312.000</b>
12	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô1A) - tập thể bệnh viện Núi Thành	5	1	0,73	<b>292.000</b>
13	- Từ đường sắt đến ngã ba đường vào Cụm công nghiệp	5	1	0,91	<b>364.000</b>
14	- Từ ngã ba đường vào Cụm công nghiệp đến mương tiêu Bàu Dẻ	5	1	0,78	<b>312.000</b>
15	- Ngã 3 Hải Thượng Lãn Ông đến nhà ông Can, ông Nam	5	1	0,78	<b>312.000</b>
16	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) tính từ đường sắt-đến nhà ông Mậu	5	1	0,78	<b>312.000</b>
17	- Tuyến trên nhà ông Mậu - nhà ông Nghiễm	5	2	0,78	<b>156.000</b>
18	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) đi nhà văn hoá huyện đến nhà Ông Hùng	5	1	0,91	<b>364.000</b>
19	- Đường <b>Huỳnh Thúc Kháng</b> (Qlô 1A - qua chùa Long Quang)	5	1	0,91	<b>364.000</b>
20	- Đường <b>Nguyễn Văn Trỗi</b> (Qlô 1A - đường khối 4, khối 5)	5	1	0,78	<b>312.000</b>
21	- Đường <b>Trần Thị Lý</b> (Qlô 1A - đường khối 4, khối 5)	5	1	0,78	<b>312.000</b>
22	- Đường <b>Thái Phiên</b> (Qlô 1A - đường khối 4, khối 5)	5	1	0,78	<b>312.000</b>
23	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A)- đến đường sắt (đường lên chợ Chu Lai)	4	1	0,96	<b>624.000</b>
24	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A)- giáp nhà ông Xuyên, ông Bôn	5	1	0,73	<b>292.000</b>
25	- Từ trên nhà ông Xuyên, ông Bôn đến nhà ông Kề	5	2	0,78	<b>156.000</b>
26	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) - trường TH Võ Thị Sáu	5	1	0,73	<b>292.000</b>
27	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) - đường Nguyễn Văn Linh (qua trường Khương Long cũ)	5	1	0,70	<b>280.000</b>
28	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) - đường Nguyễn Văn Linh (từ nhà ông Quý đến nhà ông Phương)	5	1	0,78	<b>312.000</b>
29	- Đường <b>Phan Châu Trinh</b> (Qlô 1A-qua nhà trọ Quê Hương đến đường Nguyễn Văn Linh)	5	1	1,05	<b>420.000</b>
30	- Đường ngoài nhà ông Khôi (đường Hồ Xuân	5	1	0,70	<b>280.000</b>

	Hương) đi nhà ông Đức				
31	- Đường từ nhà ông Chính (đường Nguyễn Văn Linh) đến nhà ông Nhạc	5	1	0,91	<b>364.000</b>
32	- <b>Phạm Văn Đồng</b> (Qlô 1A) - Bến ghe Chợ trạm cũ	5	2	1,05	<b>210.000</b>
33	- <b>Đường 24 - 3</b> (Qlô 1A - đến ngã 3 đường bê tông)	5	1	1,10	<b>440.000</b>
34	- Đường từ ngã 3 phân luồng (Phạm Văn Đồng và Nguyễn Văn Linh) tính từ nhà ông Hậu đến nhà ông Vũ				<b>420.000</b>
35	- Các tuyến đường ngang nằm trong Cụm CN-TTCN khối 7 (Trảng Tôn)				<b>273.000</b>
36	- Các tuyến đường nằm trong Cụm TĐC khu CN-TTCN khối 7 (Trảng Tôn)				<b>210.000</b>
37	- Đường khu vực xung quanh nhà văn hóa khối 2				<b>257.000</b>
38	- Khu dân cư không nằm trên các tuyến đường kể trên thuộc các khu kiệt,hẻm, thuộc Khối 2,3,4,5 và khối 1 khu vực dưới đường sắt				<b>115.000</b>
39	- Khu dân cư không nằm trên các tuyến đường kể trên thuộc các kiệt,hẻm, thuộc Khối 6,7 và khối 1 khu vực trên đường sắt				<b>84.000</b>
40	Tuyến nhà Ông Mùi (đường sắt) đến nhà Ông Triệu				<b>157.000</b>

## 2- Giá đất ở nông thôn :

### 2.1-Bảng giá chuẩn:

(ĐVT:đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
	Đồng bằng	Miền núi	Đồng bằng	Miền núi	Đồng bằng	Miền núi
1	1.400.000	250.000	500.000	150.000	170.000	60.000
2	1.100.000	150.000	350.000	90.000	120.000	35.000
3	900.000	90.000	250.000	50.000	90.000	20.000
4	600.000	60.000	150.000	30.000	60.000	18.000
5	400.000	40.000	100.000	20.000	40.000	15.000
6	300.000		50.000		30.000	

### 2.2- Bảng giá đất ở nông thôn chi tiết :

(ĐVT:đồng/m<sup>2</sup>)

TT	Đường, ranh giới	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Giá năm 2009
<b>1</b>	<b>XÃ TAM ANH NAM (xã đồng bằng)</b>				
	- Đường đi Nghĩa trang - Đường đi đội 2, Mỹ Sơn	1	5	1,12	<b>448.000</b>
	- Đường đi đội 2 - cổng giáp nhà ông Hội	1	4	0,83	<b>498.000</b>
	- Từ cổng giáp nhà ông Hội-đến nhà ông Hiệp	1	4	1,17	<b>702.000</b>
	- Nhà ông ba Huỳnh-đến cầu ông Bộ	1	4	1,08	<b>648.000</b>
	<b>Đất khu quy hoạch</b>				
	Đất nằm trong khu quy hoạch chợ mới Tam Anh Nam	2	3	1,08	<b>270.000</b>
	<b>Đất ven đường đi Tam Thạnh</b>				
	- Từ QL 1A- đường sắt	2	3	1,08	<b>270.000</b>
	- Từ đường sắt - cầu Đình	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Cầu Đình- giáp Tam Thạnh	2	5	1,05	<b>105.000</b>
	<b>Đất ven đường còn lại</b>				
	- Đất ven đường bê tông đi đội 2, thôn Mỹ Sơn (Từ QL 1A - Giáp nhà ông Cao Đê)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	Đất ven đường đi đội 4, thôn Mỹ Sơn (Từ QL 1A - Giáp nhà ông Nguyễn Hùng)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	Đất ven đường bê tông đội 5, thôn Nam Định (Từ QL 1A - Nhà ông Đỗ Bá Long	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	- Đất ven đường đi trường Mẫu giáo bán công(từ Qlô 1A-Cổng trường)	2	5	1,10	<b>110.000</b>

	Đất khu dân cư xung quanh chợ cũ (Từ QL1A - hết nhà ông Nguyễn Văn Điều	2	3	0,80	<b>200.000</b>
	- Đất ven đường đi ga Diêm Phô ngoài chợ cũ(từ Qlô 1A-giáp ga)	2	5	1,10	<b>110.000</b>

	- Đất ven đường BT đi đội 911(Ql 1A - đường sắt)	2	5	1,05	<b>105.000</b>
	Đất ven đường bê tông đi đội 911 (Từ đường sắt - Nhà văn hoá thôn Xuân Ngọc 1)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	Đất ven đường bê tông thôn Nam Cát (Từ giáp đường đi 911 - Giáp đường đi xã Tam Thạnh)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	Đất ven đường bê tông thôn Xuân Ngọc 2 (Từ giáp đường đi 911 - Giáp đường đi xã Tam Thạnh)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	- Đất ven đường đi đội 8(Giáp đường đi xã Tam Thạnh-hết nhà ông Nguyễn Nhơn)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	- Đất ven đường đi đội 4 thôn Tiên Xuân 2(Giáp đường đi xã Tam Thạnh-đến hết nhà ông Thắng)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	Đất ven đường bê tông đi đội ngư nghiệp cũ thôn Tiên Xuân 1 (Từ QL 1A - Giáp sông)	2	5	0,90	<b>90.000</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên.	3	4	1,08	<b>64.800</b>
<b>2</b>	<b>TAM ANH BẮC (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường QL I A</b>				
	- Cầu Bà bầu - Đường đi vũng lằm	1	4	0,93	<b>558.000</b>
	- Đường đi Vũng lằm - Chùa Phỏ Minh	1	5	1,00	<b>400.000</b>
	- Chùa Phỏ Minh - Đường đi nghĩa trang	1	5	0,88	<b>352.000</b>
	<b>Đất ven đường quốc phòng</b>				
	- Từ QL 1A đi đường sắt	2	3	0,76	<b>190.000</b>
	- Đường sắt -kênh tưới qua Đường (trên trường TH Đức Bổ II)	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	<b>Đất ven đường khu đồn</b>				
	- Từ Qlô 1A đến hết vườn nhà ông Huỳnh Cứ	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Từ vườn ông Huỳnh Cứ đến hết đường	2	5	0,72	<b>72.000</b>
	<b>Đất ven đường còn lại</b>				
	- Đất ven đường đi Vũng lằm (Từ QL 1A)- đến kênh N2.94	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Từ Qlô 1A đến nhà Võ Thị Thưa (An Lương)	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	- Từ Qlô 1A đến nhà Trần Dưỡng (Lý Trà)	3	4	1,00	<b>60.000</b>

	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn Đông Hải Thuận An, Lý trà	3	5	1,20	<b>48.000</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn còn lại	3	5	1,05	<b>42.000</b>
<b>3</b>	<b>TAM QUANG (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường 618 cũ</b>				
	- Đất ven đường từ UB xã - Bến đò đi Tam Hải	1	2	0,91	<b>1.001.000</b>
	- Đất ven đường từ ngã 3 đi bến đò - Giáp đất quân sự quản lý	1	2	1,00	<b>1.100.000</b>
	- Đất ven đường từ UB xã đến cầu đồng bá thuận	1	4	0,97	<b>582.000</b>
	- Đất ven đường từ cầu đồng bá thuận - hết vườn nhà ông Bá	1	5	0,95	<b>380.000</b>
	Cầu Chiếc ( 620-Tam Nghĩa ) đến đường nối Dung Quất - Kỳ Hà	1	4	0,87	<b>522.000</b>
	- Đất ven đường từ hết vườn nhà ông Bá - Cổng chân dốc thôn Xuân Trung	1	6	0,97	<b>291.000</b>
	- Cổng chân dốc thôn Xuân Trung - Giếng Bài	1	6	1,08	<b>324.000</b>
	- Giếng Bài - Giáp Tam Nghĩa	1	6	0,97	<b>291.000</b>
	<b>Các tuyến khác</b>				
	- Đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ mới Tam Quang	1	4	1,08	<b>648.000</b>
	- Đất ven đường 618 tính từ chợ đến giáp Tam Nghĩa	1	5	0,96	<b>384.000</b>
	- Đường nối 620 với 618 tính(Dung Quốc- Kỳ Hà)	1	6	0,97	<b>291.000</b>
	- Đất ven đường từ lãng thôn An Hải - hết thôn Sâm Linh	1	6	0,77	<b>231.000</b>
	- Đất ven đường từ ngã 3 bà Trường- lãng thôn An Hải	1	6	0,97	<b>291.000</b>
	- Đất ven đường từ ngã 3 bà Mai- cơ quan thôn An Hải	1	6	0,82	<b>246.000</b>
	- Đất ven đường từ nhà ông Sơn - nhà bà Trinh( giáp trực chính thôn Sâm Linh)	2	4	0,92	<b>138.000</b>
	- Đất ven đường từ ngã 3 chùa Từ hàn- ngã 3 nhà ông Công(Vĩnh)	2	4	0,92	<b>138.000</b>
	- Đất ven đường từ nhà ông Lý Thơ( hương lộ thôn Sâm Linh)-ngã 3 nhà bà Triệu ( trực bà Mai)	2	4	0,92	<b>138.000</b>



- Đất ven đường từ cơ quan thôn An Hải đến hết xóm cồn	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường ngã 3 nhà ông Trà đến nhánh ra sông và từ nhà ông Huệ vòng qua chợ cũ nối với đường đi hết xóm cồn	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven trục ngang nối với trục bà Mai - chợ cũ	2	5	1,06	<b>106.000</b>
- Đất khu vực tiếp giáp sông từ chợ cũ đến chợ mới	2	3	0,90	<b>225.000</b>
- Hương lộ thuộc xóm mới thôn An Hải	2	4	1,08	<b>162.000</b>
- Đất ven đường vào đồn Biên phòng CK cảng Kỳ Hà	2	4	1,20	<b>180.000</b>
- Đất ven đường dọc theo cảng vào nhà ông Quốc và đến cảng	2	4	1,08	<b>162.000</b>
- Đất ven đường từ ngã 3 nhà ông Hùng (nối trục bà Mai đến hết chợ cũ)	2	5	1,18	<b>118.000</b>
- Đất ven đường từ xóm Cồn đến chợ cũ	2	4	0,83	<b>124.500</b>
- Đất ven đường từ ngã 3 nhà ông Thành(Dũng) đến 618 tỉnh	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường từ cơ quan thôn Xuân Trung đến 618 tỉnh	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường từ ngã 3 nhà ông Quảng đến 618 tỉnh	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường ngã 3 Hải Quan đến 618 tỉnh	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường ngã 4 bà Ta đến cầu thôn Sâm Linh	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường từ ngã 3 nhà ông Tâm đến hết vườn nhà ông Sáng	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất ven đường từ ngã 4 bà Ta đến nhà ông Chiến	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất khu dân cư tiếp giáp sông từ chợ cũ - xóm cồn	2	4	1,16	<b>174.000</b>
- Tuyến tiếp giáp dọc sông thôn Sâm Linh hướng Nam từ nhà ông Phạm Nguyên - đến nhà ông Nguyễn Thành	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Đất có mặt tiền giáp với Chợ Chùa	2	4	1,12	<b>168.000</b>
- Tuyến nhà ông Huỳnh Cường(618 cũ)-ĐT 618 mới thuộc thôn An Tây	2	5	1,15	<b>115.000</b>
- Tuyến từ nhà ông Đặng Xứ - nhà ông Bữu(đường nối Dung Quát)	2	4	1,12	<b>168.000</b>

	- Tuyến từ trường mới thôn Sâm Linh - đi nhà ông Nguyễn Xảo	2	4	0,85	<b>127.500</b>
	- Tuyến từ cơ quan thôn An Tây - ĐT 618 tỉnh và ĐT 620	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Tuyến từ chợ chùa- ĐT 618 tỉnh và cơ quan thôn Thanh Long	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Tuyến từ ngã 3 nhà ông Dân - ĐT 618 tỉnh	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Tuyến từ giếng chân dốc thôn Trung Toàn - ĐT 618 tỉnh	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đất ven hẻm từ Nhà Ông Sao-Nhà Ông Cự	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đất ven đường từ ngã 3 nhà bà Lai- ngã 3 nhà ông Lá	3	3	1,11	<b>100.000</b>
	- Đất ven các đường hẻm thuộc khu vực xóm lã	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đất thuộc các đường ngang nối với hương lộ thôn Sâm Linh	3	3	0,78	<b>70.200</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn thuộc xã	3	4	0,95	<b>57.000</b>
<b>4</b>	<b>TAM NGHĨA (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường QL 1A</b>				
	- Giáp thị trấn Núi Thành-Đường lên UBND Tam Nghĩa	1	1	1,08	<b>1.512.000</b>
	- Đường lên UBND xã - đường vào cổng Sư đoàn 315	1	1	0,86	<b>1.204.000</b>
	- Từ cổng sư đoàn 315 - giáp Quảng Ngãi	1	4	1,10	<b>660.000</b>
	<b>Các tuyến đường ngang</b>				
	- Tuyến ĐT 620( QL 1A) - đến cầu chiếc	1	4	0,87	<b>522.000</b>
	- Đường ĐT 618 (huyện) Từ giáp Thị Trấn - Cống Long bình	1	4	0,87	<b>522.000</b>
	- Đường ĐT 618 (huyện) Cống Long bình - Giáp Tam Quang	1	6	0,73	<b>219.000</b>
	- Đường ĐT 618 (cũ) Giáp Thị Trấn - Cống Long Bình	1	6	1,00	<b>300.000</b>
	- Đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ Chu Lai	1	6	1,17	<b>351.000</b>
	- Đất ven đường 618 tỉnh từ thị trấn đến giáp Tam Quang	1	4	1,00	<b>600.000</b>
	- Đất ven đường từ đường sắt vào Chợ Chu Lai	1	6	1,20	<b>360.000</b>
	- Các tuyến đường nằm trong khu CN-TTCN Nam Chu Lai	1	6	0,74	<b>222.000</b>
	<b>Các tuyến đường nằm trong Khu tái định</b>				

	<b>cư Nam Chu Lai</b>				
	Đường có mặt cắt 17,5m ( Từ Đ 38 - Đ 32 )	1	6	0,74	<b>222.000</b>
	Đường có mặt cắt 19,5m ( Từ Đ 37 - Đ 31 )	1	6	0,74	<b>222.000</b>
	- Đất ven Đường từ TT dạy nghề - ga An Tân	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Khu vực chợ Chu Lai: nằm trong giới hạn giữa Đường sắt, Đường lên Núi Thành và Đường từ UB xã về TT dạy nghề.	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Khu nhà Quân nhân sự đoàn 315( thuộc tuyến sau không giáp với QLộ)	2	3	1,00	<b>250.000</b>
	- Đường từ nhà Ông Khoảng (cà phê Minh Hiền) - nhà ông Mai Hữu Phước (trừ các lô có mặt tiền tiếp giáp với chợ)	2	5	1,00	<b>100.000</b>
	- Tuyến từ sân bóng đá huyện cũ- đường ĐT 618 huyện	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Đường vào UB xã( từ QL1A)- ngã 3 Tịch Tây	2	2	1,00	<b>350.000</b>
	<b>Đường vào HTX 2:</b>				
	- Từ đường sắt đến cầu bầu Dút	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Từ cầu bầu Dút đến ngã 3 nhà ông Ngoạn	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	- Từ ngã 3 nhà ông Ngoạn- ngã 3 nhà ông Võ( Long Phú)	2	5	0,70	<b>70.000</b>
	Từ ngã ba nhà Ông Nguyễn Ngọc Chí đến nhà Ông Nguyễn Hồng Đức	2	5	0,70	<b>70.000</b>
	Tuyến đường từ nhà Ông Ngoạn - đến nhà Ông Định ( đi đập hồ mây )	2	5	0,70	<b>70.000</b>
	- Tuyến từ ngã 3 Kỳ Hà tính từ đường sắt - ngã 3 ông Chiến	2	5	1,00	<b>100.000</b>
	- Tuyến từ ngã 3 Tịch Tây - cầu Quan Âm	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	- Ngã ba Tịch Tây - Bến Đình	2	5	0,78	<b>78.000</b>
	<b>Các tuyến đường ngang thuộc thôn Đông Yên</b>				
	- Đất ven đường từ đường sắt-ngã 3 nhà ông Nhựt	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	<b>Các tuyến đường ngang thuộc thôn Hoà Vân</b>				
	- Tuyến đường sắt - ngã 3 nhà ông Ngô Phú	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	- Tuyến đường sắt - ngã 3 nhà ông Ngô Bồi	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	- Đường ngang thuộc xóm nhà Vàng: phía bắc Sư 315 tính từ đường sắt đến nhà Ô.Hợp	3	2	0,83	<b>100.000</b>
	- Đất ven đường nhà ông Hiền đến nhà ông Châu Ngọc Mai	3	4	1,08	<b>64.800</b>
	Tuyến nhà ông Chính đi nhà ông Nhựt( đầu nôi 3 đường KV thôn Đông Yên)	3	4	1,08	<b>64.800</b>

- Tuyến từ nhà ông Bùi Văn Bình đến nhà ông Kiêm	3	4	0,92	<b>55.200</b>
- Tuyến từ nhà ông Xuân đến nhà ông Võ	3	4	1,00	<b>60.000</b>
- Tuyến từ nhà ông Phụng đến nhà ông Đại	3	4	1,00	<b>60.000</b>
- Tuyến từ nhà ông Nghĩa đến nhà ông An(mương Gò Dài)	3	4	1,17	<b>70.200</b>
Khu dân cư thuộc giáp ranh trường Ngô Quyền thôn Định Phước	3	1	0,88	<b>149.600</b>
<b>Đất ven đường ngang thuộc thôn Hoà Mỹ</b>				
- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn: Định Phước Long Bình, Tịch Tây, Thanh Trà.	3	4	0,83	<b>49.800</b>
KDC không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn còn lại	3	5	1,00	<b>40.000</b>

<b>5</b>	<b>TAM HOÀ (xã đồng bằng)</b>				
	- Cầu Tam Hoà- Nhà Bà Du	2	3	1,08	<b>270.000</b>
	-Nhà bà Du -Nhà ông Cách	2	4	1,20	<b>180.000</b>
	- Nhà ông Cách-sông Trường Giang	2	3	0,80	<b>200.000</b>
	+ Từ UB xã đi nhà ông Hà Lân	3	2	1,13	<b>135.600</b>
	Từ nhà ông Hà Lân - Nhà bà Tâm	3	2	0,83	<b>99.600</b>
	Từ nhà bà Tâm - Nhà Bà Tường	3	2	0,83	<b>99.600</b>
	Từ nhà bà Tường - Đường DH	3	2	0,83	<b>99.600</b>
	Từ nhà Hà Lân - cây quen	3	2	0,83	<b>99.600</b>
	Từ ngã 3 - Cầu bà Rón	3	2	1,13	<b>135.600</b>
	<b>Đất ven đường Thanh niên</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0,83</b>	<b>99.600</b>
	Đất khu dân cư không thuộc các tuyến trên gồm các thôn	3	5	1,20	<b>48.000</b>
<b>6</b>	<b>TAM XUÂN 1 (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường QL 1A</b>				
	Cầu Tam Kỳ - đến cống tiêu nước trước nhà ông Bình thôn 5	1	1	1,00	<b>1.400.000</b>
	Từ cống tiêu nước trước nhà ông Bình thôn 5 - đến cống kênh N3.2 (NH NN và PTNT)	1	2	0,91	<b>1.001.000</b>
	Trong cống kênh N3.2 - Giáp Tam Xuân 2	1	4	1,08	<b>648.200</b>
	<b>Đất ven đường 104</b>				
	Từ QL 1A (104 mới) - đến đường sắt	2	2	1,14	<b>399.000</b>
	Đường sắt - Trạm Thủy nông Phú Ninh	2	3	0,72	<b>180.000</b>
	Từ QL 1A (104 cũ) - Giáp đường Nguyễn Hoàng	2	3	0,72	<b>180.000</b>
	Từ 104 - đến đường sắt (ngoài HTX Mỹ Tân an)	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Từ Q lộ 1A - đến nhà ông Lê Văn Tùng (đường lên Nghĩa trang liệt sĩ)	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Từ nhà ông Lê Văn Tùng ( đường lên Nghĩa trang liệt sĩ) - đến cống qua kênh N3.1	2	5	1,00	<b>100.000</b>
	Đất ven đường đi Trạm y tế xã( QLộ 1A- Trạm y tế)	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Đường theo kênh N3.2(gần NH NN) - Đến cống qua đường đầu tiên ( Cống bà Niên)	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Đường vào Tháp ba ( Từ đường 104 mới - Tháp )	2	3	1,12	<b>280.000</b>
	Đoạn từ nhà bà Thu đến nhà kênh tưới (Đường vào nhà lưu niệm Võ Chí Công)	2	3	0,80	<b>200.000</b>

	Từ Trạm thuỷ nông Phú Ninh - đến Đập Tràn	3	3	0,85	<b>75.600</b>
	Đường sắt - Mường kênh (đi miếu ông)	3	4	1,16	<b>69.600</b>
	Cống qua Đường đầu tiên (Cống bà Niên) - Cầu máng Tam Tiến	3	4	0,91	<b>54.600</b>
	Đường lên ga bà Khôi từ QL 1A- đến kênh N3.3	3	1	0,88	<b>149.600</b>
	Từ kênh chính N3.1(QL1A)-Cống qua kênh (Phía sau nhà ông Lê Ngọc Châu)	3	2	0,83	<b>99.600</b>
	Hai tuyến đường vào khu TĐC cầu Tam Kỳ 2	3	1	1,06	<b>180.200</b>
	Khu dân cư còn lại không nằm trong các tuyến trên, thuộc thôn 4,5,6	3	4	0,92	<b>55.200</b>
	Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn còn lại	3	5	1,00	<b>40.000</b>
<b>7</b>	<b>TAM XUÂN 2 (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường QL1A</b>				
	Tam xuân 1- Bru điện văn hoá xã	1	5	1,12	<b>448.000</b>
	Bru điện văn hoá xã - Cầu Bà Bầu	1	4	1,00	<b>600.000</b>
	- Khu dân cư (chợ mới Bà Bầu) có mặt tiền đối diện chợ	2	3	0,96	<b>240.000</b>
	- Đất qui hoạch khu dân cư còn lại của chợ Bà bầu	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Đất ven đường chợ Bà bầu(QL1A)- Mường kênh(giáp đồng ruộng)	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	- Đất dọc đê bao - đến nhà ông Nguyễn Văn Mai	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	- Từ QL 1A đến cống Vĩnh An	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	- Từ QL 1A đến cống Thổ quán Phú Nam Đông	2	5	0,85	<b>85.000</b>
	Từ QL1A nhà Bà Nguyễn Thị Thân - Đường sắt	2	4	0,70	<b>105.000</b>
	Đất ven đường đi Thạch Bích từ 104 - Tường rào phía nam Trại giống nông nghiệp	2	4	0,70	<b>105.000</b>
	Đất ven đường 104 cống Gò Da - Trạm bảo vệ rừng	3	4	1,17	<b>70.200</b>
	Từ tường rào Trại giống nông nghiệp - Cống qua kênh đầu tiên	3	4	1,17	<b>70.200</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên.Gồm các thôn Phú Khê đông, Phú Khê tây, Phú Nam bắc,Phú Nam đông, Bà bầu, Vĩnh An, Tân Thuận, Bích Ngô Tây				

	+ Đất thuộc mặt tiền các tuyến đường GTNT (Đường bê tông )	3	4	0,82	<b>49.200</b>
	+ Đất khu dân cư còn lại	3	4	0,70	<b>42.000</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên của các thôn còn lại				
	+ Đất thuộc mặt tiền đường GTNT ( Đường bê tông )	3	5	1,10	<b>44.000</b>
	+ Đất khu dân cư còn lại	3	6	1,17	<b>35.000</b>
<b>8</b>	<b>TAM HIỆP (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven đường QL1A</b>				
	- Cầu ông Bộ đến trường Mẫu giáo thôn 2	1	4	1,10	<b>660.000</b>
	- Trong trường Mẫu giáo thôn 2 - đến đường đi Khương Nhon	1	4	1,20	<b>720.000</b>
	- Đường đi Khương Nhon - Cống bà Lô	1	2	1,05	<b>1.155.000</b>
	- Cống Bà Lô - Đường ĐT 617	1	1	0,92	<b>1.288.000</b>
	- Từ đường ĐT 617 - đến đường lên ga Tam Hiệp	1	1	1,04	<b>1.456.000</b>
	- Từ đường lên ga Tam Hiệp - Giáp thị trấn Núi thành	1	1	1,15	<b>1.610.000</b>
	<b>Đất ven đường 617</b>				
	- Từ QL 1A- đường sắt	1	4	0,88	<b>528.000</b>
	- Đường sắt đến ngã ba Yiêm	1	5	0,90	<b>360.000</b>
	- Đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ Tam Hiệp	2	1	0,86	<b>430.000</b>
	- Từ QL1A- đến cống bà Ân	2	1	0,96	<b>480.000</b>
	-Từ trên cống bà Ân - chân dốc Hồ giang	2	4	0,96	<b>144.000</b>
	- Từ QL 1A- bến ghe chợ Trạm cũ	2	3	0,96	<b>240.000</b>
	- Đoạn từ chợ Trạm đến bến ghe mới	2	4	1,20	<b>180.000</b>
	Đất ven đường đi vùng KTM mới ( Từ đường sắt - nhà ông Trần Văn Anh và ông Lê Minh Trung )	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Đường lên ga Tam hiệp( QL1A) - đường sắt	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Đất ven đường đi đồng muối (từ dưới Khu TĐC Tam Hiệp-đến đồng muối)	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Ngã 3 Yiêm-đi kênh chính Thái Xuân	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	- Kênh chính Thái Xuân - đi giáp Tam Mỹ	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Tuyến từ QLô 1A đến nhà ông sáu Vân	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường QL1A- đến nhà bà Năm Hoà	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đường đối diện chùa Vĩnh Lộc( QL1A)-đê ngăn mặn	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đường lên miếu ông(QL1A - đến Đường khu công nghiệp Bắc Chu Lai)	3	3	1,06	<b>95.400</b>

	- Đường đối diện trường mẫu giáo thôn Vân Thạch(QL1A-đê ngăn mặn)	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đường lên trường mẫu giáo thôn Vân Thạch(QL1A)-lên ngã 3(Nhà bà Cườm)	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đường xuống nhà ông Nghiêm(QL1A)-đê ngăn mặn	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Ngã 3 ông Nguyễn- giáp đường đi cầu Bà Giày	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Từ cống bầu Dê- ngã 3 ( nhà ông Một)	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đường từ ngã 3 Yiem (ĐT617)-giáp đường Hồ giang đi cầu Xuồng	3	2	0,85	<b>102.000</b>
	-Đường bê tông ( Từ trường PTTH bán công NT - Đường 617 )	3	2	0,85	<b>102.000</b>
	- Đường từ nhà ông Trương đến cầu ông Chân	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Ngã 3 Gò Dân đi đập ông Tin (đường bê tông)	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường đồng Muối đi Khương Phú(đường bê tông)	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường trước nhà ông Thử (từ trường BC Núi Thành-giáp đường đi nghĩa trang LS	3	3	1,06	<b>95.400</b>
	- Đất ven đường đi vùng KTM(từ trên cầu Vũng Chai-đến cống đồng Cây Sơn(trước nhà ông Lập)	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	-Đường từ Miếu Ông-đến giáp đường ĐT 617	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường từ QL1A(nhà ông lãnh)-đi đồng ông Đông(nhà ông Tùng)	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường đi Đông Chòi(từ đường ĐT 617-đi đường khu CN Bắc Chu Lai)	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường từ đường ĐT 617-đi nhà ông Nhung	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	- Đường từ nhà ông Tri-đến nhà bà Nguyễn Thị Hương	3	3	1,00	<b>90.000</b>
	Các khu dân cư nông thôn thuộc các thôn Đại Phú, Mỹ Bình, Vĩnh Đại, Phái Nhơn, Thái Xuân, Thọ Khương, Nam Sơn, Vân Trai, Vân Thạch	3	4	1,20	<b>72.000</b>
<b>9</b>	<b>TAM GIANG (xã đồng bằng)</b>				
	- Cầu Tam Giang- đến cống gần nhà ông Trần cao vân	2	3	0,80	<b>200.000</b>
	- Trường Hoà An-Trạm y tế xã	2	3	0,80	<b>200.000</b>



- Cổng gần nhà ông Trần cao vân-Trường Hoà an	2	4	0,80	<b>120.000</b>
-Trạm y tế xã - đường ngang gần nhà ông Ngô Thanh Tịnh	2	5	1,00	<b>100.000</b>
- Tuyến đê bao thôn 5(khu vực khai thác quỹ đất)	2	5	1,20	<b>120.000</b>
- Đường ngang gần nhà Ngô Thanh Tịnh-đường ngang nhà Trần Dân	2	5	1,20	<b>120.000</b>
- Ngã 3 nhà Huỳnh Hoàng-Bến Đình	2	4	0,93	<b>139.500</b>

	<b>- Ngã 3 trường Hoà an - bến đò T.Quang và ngã 3 nhà Huỳnh Hoàng</b>				
	+ Từ ngã 3 trường Hoà An-kênh N54	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	+ Từ kênh N54 - Ngã 3 nhà ông Tuấn	2	5	0,80	<b>80.000</b>
	+ Ngã 3 nhà ông Tuấn - Bến đò Tam quang	2	5	0,80	<b>80.000</b>
	+ Ngã 3 nhà ông Tuấn - ngã 3 nhà bà Đền	2	5	0,80	<b>80.000</b>
	+ Ngã 3 nhà nhà bà Đền - ngã 3 nhà Huỳnh Hoàng	2	6	1,20	<b>60.000</b>
	-Khu vực chợ Tam Giang có mặt tiền tiếp giáp với chợ	2	5	1,00	<b>100.000</b>
	- Đường ngang nhà ông trần Dân - ngã 3 nhà Huỳnh Hoàng	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	<b>- Ngã 3 nhà Phạm Hồng Anh đến doi áp 10</b>				
	+ Từ ngã 3 Phạm Hồng Anh - Cổng trước chùa	3	3	0,93	<b>83.700</b>
	+ Cổng trước chùa -Ngã 3 Ông Cội	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	+ Ngã 3 Ông Cội - Trạm biến áp	3	3	0,93	<b>83.700</b>
	+ Trạm biến áp-Cổng trước nhà Bà Sở	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	+ Cổng trước nhà Bà Sở-Doi áp 10	3	3	0,93	<b>83.700</b>
	-Tuyến từ ngã 3 ông Ngoãn đến công bà Chiên	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	-Tuyến từ ngã 3 bà An-Ngã 3 ông Quanh	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	-Tuyến từ ngã 3 nhà ông Nhung (thôn 1)-Ngã 3 ông Phan Đình Phùng	3	3	0,93	<b>83.700</b>
	-Tuyến từ ngã 3 nhà ông Hiệp -Ngã 3 ông Cường	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	- Khu vực khai thác quỹ đất đồng thổ diễn ngoài	3	4	0,93	<b>55.800</b>
	- Khu vực khai thác quỹ đất đồng thổ diễn trong	3	4	0,93	<b>55.800</b>
	- Tuyến ngã ba ông Thái - nhà ông Sơn(thôn Thuận An)	3	4	1,00	<b>60.000</b>
	- Tuyến Nhà út Sau - đi nhà ông Hiệp ( thôn Đông An)	3	4	0,93	<b>55.800</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn thuộc xã	3	4	0,70	<b>42.000</b>
<b>10</b>	<b>TAM HẢI (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven trục chính</b>				
	- Đất ven đường từ bến đò- đến công ông Ghê	1	5	0,85	<b>340.000</b>

	- Đất ven đường từ cống ông Ghê- đến cống ông Thanh	1	6	0,85	<b>255.000</b>
	- Đất ven đường từ cống ông Thanh-đến bến đò thôn 5	1	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Đất ven đường từ nhà ông Tám- đến cống ông Hoàng	1	5	0,85	<b>340.000</b>
	- Đất ven đường từ cống ông Hoàng - đến cống sân bóng thôn 1	1	6	0,85	<b>255.000</b>
	- Đất ven đường từ cống sân bóng thôn 1-đến nhà ông Chinh	1	6	0,70	<b>210.000</b>
	- Đất ven đường từ cống Ông Thanh đến bến đò thôn 5	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	- Đất ven đường bê tông dọc sông Trường Giang từ thôn 2 đến thôn 3	2	4	0,86	<b>129.000</b>
	- Đất ven đường từ nhà ông Kỳ-đến chợ Tam Hải	2	4	1,13	<b>169.500</b>
	- Đất ven đường từ trường cấp II đến nhà ông Thành	2	4	1,13	<b>169.500</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn của xã Tam hải (trừ thôn 6 và xóm chùa thôn 5 )	2	6	1,20	<b>60.000</b>
	- Khu dân cư thuộc thôn 6 và xóm chùa thôn 5.	2	6	0,84	<b>42.000</b>
<b>11</b>	<b>TAM TIẾN (xã đồng bằng)</b>				
	<b>Đất ven trục chính</b>				
	- Đất ven đường từ ngã 3 chợ đò đến nhà ông Phan Đình Vinh	2	4	1,02	<b>153.000</b>
	- Đất ven Nhà ông An - bưu điện văn hoá xã	2	5	1,20	<b>120.000</b>
	Đất ven đường từ Bưu điện văn hoá xã- giáp đường Thanh Niên( thôn Phước Lộc - Hà Quang)	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	<b>Đất ven đường Thanh niên</b>				
	Từ Tam Thanh đến nhà bà Ngô Thị Xuân	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Từ ngã 3 đường Thanh niên cũ (Thôn Hà Quang) đến nhà ông Bùi Xuân Tùng	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Từ nhà bà Ngô Thị Xuân đến nhà ông Nguyễn Quận	2	4	1,00	<b>150.000</b>
	Từ nhà ông Quận đến ngã 3 đường Thanh niên cũ thôn Hà Quang (Đường Thanh niên giai đoạn 1)	2	4	0,86	<b>129.000</b>

	Từ nhà ông Bùi Xuân Tùng đến giáp Tam Hoà	2	4	0,86	<b>129.000</b>
	- Đất ven đường từ nhà ông Phan Đình Vinh - nhà ông Nguyễn Công An	3	3	1,20	<b>108.000</b>
	<b>Các tuyến đường khác</b>				
	- Bru điện văn hoá xã- bến đò Tam Anh	3	4	1,20	<b>72.000</b>
	- Từ nhà ông Bùi Tân - nhà ông Nguyễn Hữu Chấn (thôn Hà Quang)	3	4	1,05	<b>72.000</b>
	- Từ nhà bà Nguyễn Thị Nữ - bãi biển thôn Phước Lộc	3	3	0,90	<b>81.000</b>
	- Từ nhà ông Trần đình Hồ - nhà ông Huỳnh Tấn Này	3	3	0,90	<b>81.000</b>
	- Đất thuộc mặt tiền của các tuyến đường bê tông nông thôn, đường cấp phối đá dăm, đường cấp phối đồi thuộc thôn Phước Lộc - Hà Quang	3	4	0,05	<b>63.000</b>
	- Từ nhà ông Huỳnh Tháo - nhà ông Huỳnh Mộng Tuyền (thôn Phước lộc )	3	4	1,20	<b>72.000</b>
	- Từ nhà ông Trần Thanh Tuấn (thôn Phú Phong) - nhà ông Phan Thanh Hoàng (thôn Tiến thành)	3	4	0,85	<b>51.000</b>
	- Từ nhà Phan Thanh Hoàng (thôn Tiến thành) - nhà ông Nguyễn Thương (thôn Tân lộc)	3	5	1,2	<b>48.000</b>
	- Từ nhà ông Huỳnh Mộng Tuyền - giáp Tam Hoà	3	4	0,85	<b>51.000</b>
	- Đất thuộc mặt tiền của các tuyến đường bê tông nông thôn , đường cấp phối đá dăm thuộc các thôn Bình Phú, Lộc Đông, Lộc Ngọc, Tân Lộc , Bản long, Tân Bình trung, Diêm trà , Phú phong, Tiến thành, Long Thạnh	3	5	1,20	<b>48.000</b>
	- Khu dân cư nông thôn không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn Phước Lộc, Hà Quang, Tân Bình Trung, Lộc Ngọc, Lộc Đông	3	5	1,13	<b>45.200</b>
	- Khu dân cư nông thôn không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn Bình Phú, Tân Lộc , Bản long, Diêm trà , Phú phong, Tiến thành, Long Thạnh	3	5	1,05	<b>42.000</b>
<b>12</b>	<b>TAM TRÀ (xã miền núi)</b>				
	<b>Đất ven đường ĐT 617</b>				

	- Từ cầu sông Quán- cầu sông Mùi	1	5	1,00	<b>40.000</b>
	- Cầu sông Mùi- giáp Tam Sơn	1	5	0,75	<b>30.000</b>
	-Từ nhà Ông Lý đi nhà bà Út Trà	1	5	0,75	<b>30.000</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn thuộc xã	2	5	0,72	<b>14.400</b>
<b>13</b>	<b>TAM SƠN (xã miền núi)</b>				
	Nhà văn hóa Thôn Thuận Yên Đông - Ngã ba nhà Ông Chính	1	5	0,75	<b>30.000</b>
	Bến đò đá Giăng - nghĩa trang liệt sỹ	1	5	0,75	<b>30.000</b>
	Đèo Ba Ví - Nhà văn hóa Thôn Thuận Yên Đông	1	5	0,70	<b>28.000</b>
	Ngã ba nhà Ông Nguyễn Đức Phong - nhà Ông Cao Văn Anh	1	5	0,70	<b>28.000</b>
	Nghĩa trang liệt sỹ xã - đèo Phường Tổng	2	5	1,00	<b>20.000</b>
	Chùa Yên Sơn - đèo Thù Đầu	2	5	1,00	<b>20.000</b>
	Ngã ba nhà Ông Cường Thôn Thuận Yên Đông - nhà Ông Trịnh Đình Thơ Thôn Mỹ Đông	2	5	0,72	<b>14.400</b>
	Ngã ba nhà Ông Giang Thôn Phú Hòa - Trường cây Bàng Thôn Đức Phú	2	5	0,72	<b>14.400</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn thuộc xã				<b>10.000</b>
<b>14</b>	<b>TAM THẠNH (xã miền núi)</b>				
	<b>Đất ven đường trục chính</b>				
	- Từ giáp Tam Anh- nhà ông hai Lâm	1	5	0,90	<b>36.000</b>
	- Từ nhà ông hai Lâm- giáp Tam Sơn	1	5	0,80	<b>32.000</b>
	- Đất ven đường đi thôn 2( từ cơ quan NT cao su-đèo ba Ví)	2	5	1,00	<b>20.000</b>
	- Khu dân cư không thuộc các tuyến trên. Gồm các thôn thuộc xã				<b>12.000</b>
<b>15</b>	<b>TAM MỸ ĐÔNG (xã miền núi)</b>				
	<b>Đất ven đường trục chính</b>				
	- Cầu bà Giày- UB xã-ngã 3 trạm y tế	1	1	0,88	<b>220.000</b>
	- Ngã 3 trạm y tế - gò gai- Giáp công ông Thắng	1	2	1,20	<b>180.000</b>
	- Ngã 3 trạm y tế- cầu Quang	2	2	1,10	<b>99.000</b>
	- UB xã-trường thôn 2-đường QH gò Gai	2	2	1,10	<b>99.000</b>
	- Ngã 3 cầu bà Giày- đến giáp Tam Nghĩa (đập bà Quận)	2	3	1,00	<b>50.000</b>
	- Ngã 3 đi chùa Phú Sơn-đường vào chùa	2	3	1,00	<b>50.000</b>
	- KDC các thôn không thuộc các tuyến trên	3	2	1,00	<b>35.000</b>

<b>16</b>	<b>TAM MỸ TÂY (xã miền núi)</b>				
	<b>Đất ven đường trực chính</b>				
	- Từ cổng ông Thắng đến cầu bà Miến	1	2	0,96	<b>144.000</b>
	- Cầu Quang đến cầu Hào	1	3	0,90	<b>81.000</b>
	- Cầu bà Miến-giáp ĐT 617	2	3	1,02	<b>51.000</b>
	- Cầu Hào- Cơ quan hợp tác xã 4( cũ)	2	3	1,02	<b>51.000</b>
	- Đất ven đường ĐT 617(từ Tam Hiệp-đập đồng Nhơn)	2	2	0,74	<b>66.600</b>
	- Đất ven đường ĐT 617(từ đập đồng Nhơn-cầu sông Quán)	2	3	0,80	<b>40.000</b>
	- Đường Tót đến ĐT 617	2	3	0,80	<b>40.000</b>
	- KDC các thôn không thuộc các tuyến trên	3	2	0,70	<b>24.500</b>